

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Thanh Thủy;

2/ Bà Mai Thị Bỉ;

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Bà Bùi Ngọc H**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

2/ Bị đơn: **Ông Lê Minh T**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện T, tỉnh L (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình xét xử nguyên đơn, bà Bùi Ngọc H trình bày như sau:

Do quen biết và sự đồng ý của hai bên gia đình, năm 2009 bà và ông Lê Minh T tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L ngày 25/5/2010. Sau khi cưới bà về sinh sống bên nhà ông T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng quan điểm sống không hợp nhau; ông T không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên uống rượu, cờ bạc và đánh bà nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống ngày 23/12/2019 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 13/12/2009 và Lê Gia H, sinh ngày 01/4/2015 hiện các con đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không có.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

2/ Bị đơn, ông Lê Minh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đến hòa giải và triệu tập đến phiên tòa xét xử nhưng ông T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Ngọc H yêu cầu ly hôn với ông Lê Minh T. Do ông T có địa chỉ tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Lê Minh T đã được Tòa án cấp tổng đạt, hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Minh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Bùi Ngọc H và ông Lê Minh T xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T,

tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 43/2010 ngày 25/5/2010 là hôn nhân hợp pháp. Bà Bùi Ngọc H yêu cầu được ly hôn với ông Lê Minh T vì cho rằng vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm, sống không hợp nhau, ông T không lo làm ăn và không quan tâm chăm sóc vợ con, thường xuyên uống rượu, cờ bạc và đánh bà H nên bà H đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống ngày 23/12/2019. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ đã tiến hành các thủ tục về cấp tống đạt, hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho ông T nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông T không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà H yêu cầu được ly hôn là có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 13/12/2009 và Lê Gia H, sinh ngày 01/4/2015. Xét, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì 02 cháu Lê Gia B và Lê Gia H sống với bà Hân. Để ổn định tình cảm, tâm lý và sinh hoạt cho cháu, đồng thời theo nguyện vọng của cháu Lê Gia B là muốn sống chung với bà H. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao 02 con chung Lê Gia B và Lê Gia H cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản: Bà Bùi Ngọc H xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Bùi Ngọc H xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Bùi Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35; 39; 147; 227, 228, 266, 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Cho bà Bùi Ngọc H được ly hôn với ông Lê Minh T.

2/ Về con chung: Bà Bùi Ngọc H được nuôi hai con chung tên Lê Gia B, sinh ngày 13/12/2009 và Lê Gia H, sinh ngày 01/4/2015. Ông Lê Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Bùi Ngọc H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007211, ngày 03/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà Bùi Ngọc H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Tân Trụ.
- THA DS huyện Tân Trụ.
- Các đương sự.
- UBND xã Lạc Tấn, huyện Tân Trụ;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Quốc Dũng